

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2021/HS-ST**
Ngày: 20-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Hưng

2. Ông Doanh Thiêm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Nông Văn S (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 22 tháng 6 năm 1995 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn H, sinh năm 1969 và bà Nông Thị U, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 2000 và 01 con, sinh năm 2017;

Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 13/8/2020 bị Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Sầm Đức Tùng - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Bị hại*: Bà Sầm Thị H, sinh năm 1966 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

- Bà Nông Thị U, sinh năm 1970 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2000 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Người làm chứng*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2000 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2020 và đầu năm 2021 bà Sầm Thị H, sinh năm 1966 trú tại Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cất số tiền bán hàng, tiền tiết kiệm hàng ngày, tiền để đóng bảo hiểm tự nguyện của vợ chồng bà tại một chiếc túi xách màu đen treo trên giá móc quần áo gần đầu giường và dưới đệm giường trong phòng ngủ của bà. Sáng ngày 02/3/2021 Nông Văn S, sinh năm 1995, trú tại Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn một mình ra đằng sau nhà, S nhìn xung quanh không thấy ai thì nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S đi sang đằng sau nhà bà H (ngay sát nhà S) rồi trèo lên một chiếc thang sắt của nhà bà H dựng sẵn từ trước lên gác tầng hai chui qua khe giữa tường và mái nhà rồi xuống cầu thang trong phòng ngủ bà H ở tầng một, nhìn trong nhà không thấy ai, quan sát trong phòng ngủ thấy có một chiếc túi xách màu đen treo ở giá móc quần áo gần đầu giường, S mở chiếc túi này ra thấy bên trong có một gói bọc túi nilon màu xanh bên ngoài, mở túi nilon ra thấy có chiếc khăn màu đỏ đen trang trí họa tiết bên trong có 05 (năm) cọc tiền có các mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng, các cọc tiền buộc bằng dây nịt, thấy vậy S lấy một số tờ tiền từ cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng cho vào túi quần đang mặc trên người và gói số tiền còn lại như lúc ban đầu rồi cho vào túi xách để lại vị trí cũ. Sau đó, S về nhà theo đường cầu thang sắt sau nhà đã đi vào, về đến nhà S lấy số tiền đã trộm cắp ra đếm được 17.000.000 đồng, sau đó cho tiền đã trộm cắp vào một chiếc ví xách tay màu đen và cất vào tủ đựng đồ trong phòng ngủ của vợ chồng S rồi đi làm việc nhà. Sáng ngày 03/3/2021 S tiếp tục vào nhà bà H lấy trộm số tiền 27.000.000 đồng, sáng ngày 07/3/2021 lấy trộm số tiền 6.000.000 đồng và sáng ngày 09/3/2021 lấy trộm số tiền 4.000.000 đồng trong nhà bà H, các lần trộm cắp ngày 02, 03, 07, 09/3/2021 S đều một mình đi qua đằng sau nhà bà H trèo lên thang vào gác tầng hai xuống phòng ngủ, lấy một số tờ tiền từ cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng trong chiếc túi xách màu đen treo ở giá móc quần áo gần đầu giường cho vào túi quần đang mặc trên người, gói số tiền còn lại cho vào vị trí ban đầu, trở về theo lối đằng sau nhà đã đi vào, về đến nhà S lấy tiền ra đếm rồi cất giấu ở ví xách tay màu đen trong tủ quần áo như lần lấy trộm tiền ngày 02/3/2021.

Sáng ngày 12/3/2021 S một mình đi bộ từ nhà của S đi qua sân trước cửa nhà bà H nhìn xung quanh không thấy ai thì tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. S đi

thẳng vào cửa bếp đằng trước nhà bà H thấy cửa đóng có cài then móc ổ khóa nhưng không bấm khóa rồi mở cửa đi vào nhà, khép cửa lại đi lên nhà chính, lúc đó các cửa trong nhà bà H không khóa, nhìn trong nhà không thấy ai, S đi đến phòng ngủ lấy trộm được số tiền 7.000.000 đồng trong chiếc túi xách màu đen treo ở giá móc quần áo gần đầu giường ngủ của bà H như các lần trước, lấy được tiền xong S đi về nhà theo đường cửa bếp đằng trước đã đi vào xong đóng cửa lại như cũ. Sáng ngày 14/3/2021 S tiếp tục vào nhà bà H lấy trộm số tiền 6.000.000 đồng, sáng ngày 15/3/2021 lấy trộm số tiền 3.000.000 đồng, chiều ngày 18/3/2021 lấy trộm số tiền 25.000.000 đồng trong nhà bà H, các lần trộm cắp ngày 12, 14, 15, 18/3/2021 S đều một mình đi qua sân trước cửa nhà bà H vào cửa bếp đằng trước lên nhà chính vào phòng ngủ của bà H, lấy một số tờ tiền từ cọc tiền mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng trong chiếc túi sách màu đen treo ở giá móc quần áo gần đầu giường cho vào túi quần đang mặc trên người, gói số tiền còn lại cho vào ví trí ban đầu, trở về theo lối cửa bếp đằng trước đã đi vào, về đến nhà S lấy tiền ra đếm rồi cất giấu ở ví xách tay màu đen trong tủ quần áo như các lần trước. Tối ngày 18/3/2021 bà H kiểm tra tiền trong chiếc túi sách thấy chỉ còn lại 46.200.000 đồng nên trình báo cơ quan chức năng.

Trước đó, vào khoảng tháng 10 năm 2020 S một mình đi vào cửa bếp đằng sau nhà bà H thấy cửa bếp chỉ khép lại không khóa, S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nhìn xung quanh không có ai nên S mở cửa đằng sau bếp đi vào lên nhà chính rồi vào phòng ngủ bà H, nhìn trong phòng rồi lật đệm giường ngủ lên thấy có các cọc tiền có nhiều mệnh giá khác nhau. S rút lấy một số tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng cho vào túi quần đang mặc trên người xong gói tiền lại như cũ và đi ra khỏi nhà bà H theo lối đã đi vào, khép cửa lại như ban đầu, về nhà S lấy tiền ra đếm được 4.000.000 đồng rồi cất vào tủ quần áo trong buồng ngủ của vợ chồng S. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, S tiếp tục đi vào từ cửa bếp đằng sau nhà bà H mục đích trộm cắp tài sản, khi vào đến nhà chính chưa kịp lấy tài sản gì thì vợ chồng bà H đi làm về phát hiện nên S đã bỏ chạy ra cửa bếp đằng sau đi về nhà S, sau đó S đã trả lại bà H số tiền trộm cắp trước đó và không ai trình báo cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với hai lần lén lút đột nhập vào nhà bà H trong tháng 10/2020.

Tổng số tiền Nông Văn S đã trộm cắp được của bà Sầm Thị H là 99.000.000 đồng được S sử dụng như sau: chuyển cho vợ là Hoàng Thị T làm việc tại tỉnh Bắc Giang tổng số 32.000.000 đồng để T gửi tiết kiệm 20.000.000 đồng và mua hai dây chuyền vàng; S mua một chiếc điện thoại IPHONE 8 Plus với số tiền 7.900.000; giao nộp cho Cơ quan điều tra 23.000.000 đồng; số tiền còn lại nạp vào tài khoản trên phần mềm WiFinex.net chơi chứng khoán và chi tiêu cá nhân, ăn uống tổng số 36.100.000 đồng.

Ngày 19/3/2021 Nông Văn S tự nguyện giao nộp số tiền 24.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, trong đó 23.000.000 đồng là tiền S trộm cắp của bà H, còn 1.000.000 đồng do S lao động có được, cơ quan điều tra đã niêm phong theo quy định. Ngoài ra, S còn giao nộp một ví giả da xách tay màu đen dùng để cất giấu tiền trộm cắp.

Ngày 20/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nông Văn S tại Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Qua khám

xét tạm giữ một giấy chứng minh nhân dân và một thẻ ATM Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank mang tên Nông Văn S.

Cùng ngày 20/3/2021 Nông Văn S giao nộp 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, cơ quan điều tra đã niêm phong theo quy định.

Ngày 23/3/2021 Hoàng Thị T tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng, 01 (một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng, cơ quan điều tra đã niêm phong theo quy định.

Tại biên bản kiểm tra ngày 28/4/2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N, xác định toàn bộ số tiền mặt 24.000.000 đồng Nông Văn S giao nộp là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại biên bản kiểm tra ngày 11/5/2021 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N, xác định toàn bộ số tiền mặt 20.000.000 đồng do Hoàng Thị T giao nộp là tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Quá trình điều tra, Nông Văn S thừa nhận nghề nghiệp của bị can là lao động tự do và phụ giúp gia đình làm ruộng, có lúc đi làm thuê, do muốn có tiền sử dụng cá nhân nên tháng 10/2020 và tháng 3/2021 đã lén lút vào nhà trộm cắp tiền của bà Sầm Thị H nhiều lần, sau đó sử dụng một phần số tiền trộm cắp được, số còn lại tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra khi sự việc bị phát hiện, các lần trộm cắp tiền nhà bà H trong tháng 3/2021 S thừa nhận lấy được tổng số tiền 95.000.000 đồng, còn lần trộm cắp tiền trong tháng 10/2020 được 4.000.000 đồng S đã trả lại cho bà H đầy đủ.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSNS, ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nông Văn S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nông Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 19/3/2021.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Sầm Thị H, sinh năm 1966 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 32.000.000 triệu đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H đòi bị cáo bồi thường số tiền 15.800.000 đồng trong tổng số tiền 110.800.000 đồng bà yêu cầu. Tuy nhiên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa đối với số tiền 15.800.000 đồng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 03 túi nilon, 01 khăn vải hình vuông, các phong bì niêm phong ký hiệu H2, P2, một ví giả da màu đen.

Trả cho bị hại Sầm Thị H: Số tiền 23.000.000 đồng tạm giữ của Nông Văn S, niêm phong trong phong bì ký hiệu P1; số tiền 20.000.000 đồng tạm giữ của Hoàng Thị T, niêm phong trong phong bì ký hiệu H1; 01 (một) túi xách màu đen.

Trả lại cho bị cáo: Một giấy chứng minh nhân dân; một thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn số mang tên Nông Văn S.

Tạm giữ hóa giá các đồ vật để đảm bảo thi hành án số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại, số tiền còn lại sau khi thi hành án xong trả lại cho bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động; 01 phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong chứa một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 phong bì niêm phong ký hiệu M1, bên trong chứa một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 02 Giấy đảm bảo vàng của Công ty vàng bạc đá quý Sinh Diễn.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị xem xét việc bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa, bị cáo đã xin lỗi bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xử phạt bị cáo mức thấp nhất trong khung hình phạt Viện kiểm sát đề nghị. Trách nhiệm dân sự đề nghị xử lý theo đề nghị của Viện kiểm sát. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nông Văn S khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bổ sung bào chữa hay khiếu nại gì. Lờn sau cùng bị cáo xin lỗi bị hại, hứa sau khi chấp hành án xong sẽ không tái phạm hay thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 3/2021 Nông Văn S, sinh năm 1995, trú tại Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi một mình lẻn lút vào nhà trộm cắp tiền mặt của gia đình bà Sầm Thị H tại Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã 09 (chín) lần, tổng số tiền S đã trộm cắp được của bà H là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng) để trong chiếc túi sách màu đen treo ở giá móc quần áo gần đầu giường và dưới đệm giường ngủ tại phòng ngủ bà H, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Vì vậy, hành vi của Nông Văn S đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên 05 (năm) lần, tuy nhiên bản thân bị can là lao động tự do và phụ giúp gia đình làm ruộng, có lúc đi làm thuê kiếm thêm thu nhập, hành vi trộm cắp tài sản không phải là nguồn thu nhập chính và tiền bị cáo trộm cắp được không phải là nguồn sống chính của bị cáo, do đó không có căn cứ xác định bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, gây mất trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù đã từng bị phát hiện về hành vi trộm cắp tài sản một lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội để có tiền tiêu dùng cá nhân

Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự. Ngày 13/8/2020 bị Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã tự nguyện tác động người thân bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bà Sầm Thị H số tiền 20.000.000 đồng. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo có bà cụ ngoại Doanh Thị A được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, ông cụ ngoại Nông Văn T được Chủ tịch nước tặng Huân chương độc lập hạng ba, ông nội Nông Văn B được Chính phủ thưởng Huy chương chiến thắng hạng nhất, bà nội Nguyễn Thị V tham gia thanh niên xung phong, tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất vụ án, nhận thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, giữa ban ngày, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là không có tài sản, thu nhập do đó không xem xét áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Sầm Thị H đã nhận được số tiền bị cáo tự nguyện tác động người thân bồi thường thiệt hại là 20.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận được trộm cắp của bà H số tiền 95.000.000 đồng, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà H số tiền trên. Sau khi trừ đi số tiền bà H đã nhận là 20.000.000 đồng và số tiền bị cáo, chị Hoàng Thị T đã nộp tại cơ quan điều tra là 43.000.000 đồng. Số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bà H là 32.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H khai bà bị mất số tiền 110.800.000 đồng. Chênh lệch 15.800.000 đồng so với số tiền bị cáo khai là 95.000.000 đồng. Ngoài lời khai của bà H thì bà H không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh số tiền chênh lệch trên nên không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo nhất trí sẽ bồi thường số tiền chênh lệch theo yêu cầu của bà H. Hai bên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo, thỏa thuận này

không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường số tiền 15.800.000 đồng giữa bị cáo và bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị U không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà U. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

- Các túi nilon, khăn vải, phong bì niêm phong không còn giá trị sử dụng; 01 chiếc ví giả da màu đen của bị cáo dùng để cất giấu tiền trộm cắp nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc túi xách màu đen của bà Sầm Thị H. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu lấy lại, xét đây là tài sản của bà H nên cần trả lại cho bà H.

- 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM mang tên Nông Văn S không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 23.000.000 đồng tạm giữ của Nông Văn S và 20.000.000 đồng tạm giữ của Hoàng Thị T là tiền do trộm cắp mà có nên cần trả lại cho bị hại.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 Plus, 02 phong bì niêm phong ký hiệu A2 và M1, bên trong chứa 02 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng là tài sản do S dùng tiền trộm cắp để mua và 02 Giấy đảm bảo vàng của Công ty vàng bạc đá quý Sinh Diễn cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Trường hợp phải xử lý tài sản để thi hành án, sau khi thi hành xong phần tiền mà bị cáo phải thi hành, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo do lao động mà có cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại.

[7] Các vấn đề liên quan:

Theo lời khai của S, sau khi lấy được tiền của bà H, S đi tìm mua ma túy vài lần với một người đàn ông tên T (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể) tại xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để sử dụng cho bản thân. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xác minh xử lý.

Đối với Hoàng Thị T (vợ S) nhận tiền của S để gửi tiết kiệm và mua vàng, Đồng Phúc K trú tại Thôn H, xã C, huyện N và Đặng Thị Q trú tại thôn N, xã C, huyện N là những người S nhờ chuyển tiền giúp vào tài khoản chơi chứng khoán cho một người tên T, những người này đều không biết số tiền S chuyển đến là do S phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Theo lời khai của S, qua tìm hiểu trên mạng S được một người tự giới thiệu tên là T (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể) giới thiệu và đứng tên tài khoản nhận tiền chơi chứng khoán của S chuyển vào, S chưa gặp lần nào. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người này, Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xác minh xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, do vậy bị hại được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nông Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo 19/3/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nông Văn S phải bồi thường cho bà Sầm Thị H, sinh năm 1966 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng).

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thêm cho bị hại bà Sầm Thị H sinh năm 1966 - Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 15.800.000đ (mười năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không bồi thường số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ví giả da màu đen, loại ví cầm tay, mặt trước có chốt khóa bằng kim loại màu vàng, trên mặt ví có nhiều hạt nhựa màu đen, ví hai ngăn có khóa kéo, ví cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi nilon màu xanh da trời, túi cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) khăn vải hình vuông, có hình tượng, họa tiết, màu sắc khác nhau, khăn cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi nilon màu hồng nhạt, túi cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi nilon màu đen, túi cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, ký hiệu H2 bên trong có chứa một phong bì cũ niêm phong tiền tạm giữ của Hoàng Thị T giao nộp.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, ký hiệu P2 bên trong có chứa một phong bì cũ niêm phong tiền tạm giữ của Nông Văn S.

3.2. Trả lại cho bị cáo:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số: 095209078 mang tên Nông Văn S, sinh ngày 22/6/1995, địa chỉ: xã Cốc Đán, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) số: 9704050972894815 mang tên Nông Văn S.

3.3. Trả cho bà Sầm Thị H

- 01 (một) túi xách màu đen có nhiều ngăn khác nhau, các ngăn có khóa kéo, có hai tay xách, một dây đeo, túi cũ đã qua sử dụng.

- Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) trong một phong bì dán niêm phong, phong bì ký hiệu H1.

- Số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) trong một phong bì dán niêm phong, phong bì ký hiệu P1.

3.4. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE, loại máy 8 Plus, màu đen, màn hình cảm ứng, có số IMEI: 359500086694391, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, bên trong có chứa một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (Nghị là vàng), phong bì ký hiệu A2.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, bên trong có chứa một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (Nghị là vàng), phong bì ký hiệu M1.

- 01 (một) giấy bảo đảm vàng của Công ty vàng bạc đá quý Sinh Diễn, địa chỉ: 466 N, T, Thành phố B; mã số: 4K100049, tên hàng: Dây chuyền 99.5, loại vàng: Vàng SD 99.9, thành tiền: 5.390.000 đồng, đề ngày 10/3/2021.

- 01 (một) giấy bảo đảm vàng của Công ty vàng bạc đá quý Sinh Diễn, địa chỉ: 466 N, T, Thành phố B; mã số: 2Q000741, tên hàng: Dây QP (10K), loại vàng: Vàng SG 10K, thành tiền: 5.549.000 đồng, đề ngày 10/3/2021.

Trường hợp phải xử lý tài sản để thi hành án, sau khi thi hành xong phần tiền mà bị cáo phải thi hành, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

3.5. Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) còn lại trong phong bì dán niêm phong, phong bì ký hiệu P1 để đảm bảo thi hành án số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như 02 biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu:HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ